

THÀNH TỰU TO LỚN TRONG VIỆC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG VỀ BẢO ĐẢM VÀ PHÁT TRIỂN QUYỀN CON NGƯỜI

PHẠM BÌNH MINH*

Tư tưởng, đường lối của Đảng về quyền con người - nền tảng cho việc hoạch định chính sách bảo đảm quyền con người ở Việt Nam

Đường lối của Đảng về quyền con người có cội rễ sâu xa từ truyền thống lịch sử, văn hóa hàng nghìn năm của một dân tộc luôn nêu cao tinh thần hòa hiếu, yêu chuộng hòa bình và các giá trị nhân văn, đồng thời phản ánh nguyện vọng thiết tha của nhân dân Việt Nam - từng là nạn nhân của các cuộc chiến tranh xâm lược và bị tước đoạt những quyền và tự do cơ bản nhất.

Đường lối ấy cũng được xây dựng từ một nền tảng lý luận vững chắc, trên cơ sở tiếp thu quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người, áp dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ khác nhau. Con người và quyền con người luôn được chủ nghĩa Mác khẳng định và đề cao. Các Mác cho rằng “sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”¹ và vấn đề quyền con người phải được xem xét trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Tiếp tục phát triển tư tưởng của C.Mác, V.I.Lê-nin đã có đóng góp nổi bật vào hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác về quyền con người, với tư tưởng về dân chủ và quyền dân tộc tự quyết. Theo V.I.Lê-nin, “Chủ nghĩa xã hội thắng lợi nhất thiết phải thực hiện chế độ dân chủ hoàn toàn”²; và “các dân tộc hoàn toàn bình đẳng,... được quyền tự quyết”³.

* Bộ Ngoại giao.

¹ Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 12-7-1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *Vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta*.

² C.Mác và Ph.Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t4, tr 628.

³ V.I.Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 27, tr 323.

Kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa Mác - Lê-nin với chủ nghĩa yêu nước chân chính và thực tiễn cách mạng Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người không giới hạn ở quyền cá nhân mà bao hàm cả quyền dân tộc. Ngay từ những năm tháng bốn ba tìm đường cứu nước, người thanh niên Nguyễn Ái Quốc đã thay mặt nhân dân Việt Nam nêu tám yêu sách gửi Hội nghị Véc-xây (năm 1922), yêu cầu chính quyền Pháp trả lại những quyền tự do, dân chủ cơ bản cho người dân Việt Nam, trong đó có cải cách nền pháp lý Đông Dương, thay đổi chế độ sắc lệnh bằng luật pháp, người dân Việt Nam được hưởng đầy đủ các quyền tự do báo chí, tư tưởng, tự do lập hội, tự do cư trú ở nước ngoài, tự do học tập... Đến bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2-9-1945, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người đã có bước phát triển mang tính cách mạng. Mở đầu với việc khẳng định những quyền cơ bản mà tạo hóa ban cho mỗi con người và khép lại bằng lời tuyên bố trịnh trọng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập”¹, bản Tuyên ngôn Độc lập không chỉ là tuyên bố về sự ra đời của một quốc gia có chủ quyền mà còn là tuyên ngôn nhân quyền của Nhà nước Việt Nam, trong đó thừa nhận các quyền cơ bản của con người; đồng thời, lần đầu tiên, quyền cá nhân được mở rộng thành quyền dân tộc; và quyền con người, sự bình đẳng của mỗi cá nhân được xem xét trong mối quan hệ biện chứng với quyền dân tộc, đó là quyền độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, toàn vẹn lãnh thổ và quyền dân tộc tự quyết.

Trên cơ sở truyền thống văn hóa và nền tảng lý luận Mác - Lê-nin, đồng thời xuất phát từ mục tiêu cách mạng Việt Nam, quan điểm của Đảng về quyền con người đã được hình thành, bổ sung, nâng cao và từng bước hoàn thiện qua các giai đoạn. Từ những văn kiện đầu tiên, Đảng xác định rõ mục tiêu cơ bản và lâu dài của cách mạng là bảo đảm quyền con người cho người dân Việt Nam. Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng ta, gồm Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt thông qua tại Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 2-1930, đã vạch ra đường lối cơ bản của cách mạng Việt Nam, trong đó nhấn mạnh: đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng người lao động, giải phóng xã hội, để người cày có ruộng, người dân được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền. Cho đến khi đất nước hoàn toàn độc lập, tổng kết lại 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, một trong bốn bài học kinh nghiệm được đúc kết tại Đại hội VI - Đại hội Đổi Mới - là toàn Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”. Đây cũng là tư tưởng chủ đạo của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991), trong đó khẳng định mục tiêu “xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”² đồng thời “xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân”³.

¹ V.I.Lê-nin: Sdd, t 25, tr 375.

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 12, tr 108.

³ Các Cương lĩnh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 119.

Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 12-7-1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng một lần nữa khẳng định quan điểm của Đảng ta về quyền con người được thể hiện một cách tập trung và toàn diện hơn, trong đó quyền con người được nhìn nhận là giá trị chung của nhân loại, là kết quả cuộc đấu tranh lâu dài của loài người; xem xét vấn đề này không thể tách rời phạm trù quyền dân tộc, chủ quyền quốc gia cũng như truyền thống văn hóa, lịch sử và trình độ phát triển của dân tộc. Do đó, giải phóng con người gắn liền với giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội. Mặt khác, quyền không tách rời nghĩa vụ; dân chủ phải đi đôi với kỷ cương. Với cách hiểu cơ bản về quyền con người như vậy, Đảng ta khẳng định, quyền con người là mục tiêu và động lực của sự phát triển xã hội. Và quan trọng hơn cả, vấn đề quyền con người xuất phát từ chính mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, từ bản chất của chế độ và bao quát rộng rãi nhiều lĩnh vực. Vì vậy, bảo vệ và phát huy quyền con người là trách nhiệm chung mà tất cả các cấp, các ngành và địa phương phải tích cực, chủ động thực hiện¹.

Đại hội X của Đảng tiếp tục vạch ra đường lối phát huy dân chủ, khẳng định “dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, đồng thời nhấn mạnh việc “xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân”. Để thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung và nhiệm vụ bảo đảm quyền cho người dân nói riêng, Đảng ta nhìn nhận việc duy trì và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc có ý nghĩa chiến lược. Đồng thời, đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ của toàn dân tộc và toàn bộ hệ thống chính trị. Đảng xác định cần lấy mục tiêu chung là độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, vì “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” làm điểm tương đồng để gắn bó các dân tộc, tầng lớp nhân dân trong và ngoài nước, xóa bỏ định kiến, xây dựng tinh thần khoan dung, cởi mở và tin cậy lẫn nhau.

Những thành tựu có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ và phát triển quyền con người tại Việt Nam

Trên cơ sở đường lối của Đảng, Nhà nước ta, với sự tham gia của nhân dân, đã từng bước hoàn thiện chính sách, pháp luật và cơ chế bảo đảm quyền con người, tạo tiền đề và điều kiện quan trọng cho những thành tựu trên tất cả các lĩnh vực của quyền con người.

Trước hết, Đảng và Nhà nước ta coi việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật có ý nghĩa then chốt đối với việc bảo đảm và phát triển quyền con

¹ Chỉ thị số 12-CT/TW, ngày 12-7-1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *Vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta*.

người. Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam năm 1946 mới chỉ gồm 70 điều, nhưng đã dành 18 điều cho việc quy định các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, được trình bày tập trung tại một chương: “Nghĩa vụ và quyền lợi công dân” và đặt trang trọng ở vị trí ưu tiên, ngay tại Chương II. Qua bốn lần sửa đổi, kế thừa và phát huy tinh thần của các Hiến pháp trước, Hiến pháp năm 1992 khẳng định: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân...” (Điều 2), đồng thời quy định cụ thể và toàn diện hơn các quyền của người dân. Bên cạnh đó, chỉ tính từ năm 1986 đến nay, chúng ta đã ban hành khoảng 13.000 văn bản luật và dưới luật, trong đó có những đạo luật trực tiếp liên quan tới lĩnh vực quyền con người, như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Báo chí, Luật Xuất bản, Luật Khiếu nại, tố cáo, Luật Đặc xá, Pháp lệnh Tín ngưỡng Tôn giáo, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật Giáo dục, Luật Bảo hiểm xã hội... Hiện nay, chúng ta đang tập trung triển khai mạnh mẽ và đồng bộ Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đến năm 2010 (định hướng đến năm 2020) nhằm tạo khung pháp lý và chính sách ngày càng hoàn chỉnh hơn, góp phần tạo bước phát triển mới cho việc bảo đảm quyền của người dân.

Hệ thống thiết chế về quyền con người được xây dựng và không ngừng hoàn thiện, bảo đảm các chính sách của Nhà nước được triển khai một cách hiệu quả trên thực tế. Vai trò của các cơ quan kiểm tra, giám sát thực thi pháp luật được chú trọng, đặc biệt là Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Những năm gần đây, trong mỗi kỳ họp Quốc hội, phần đại biểu Quốc hội chất vấn các thành viên Chính phủ được truyền hình trực tiếp, ngày càng đi vào thực chất và trở thành diễn đàn để người dân, thông qua đại biểu do họ bầu ra, chất vấn chính sách, cách thức điều hành của Chính phủ, đề xuất các giải pháp khắc phục khó khăn, thách thức. Chính phủ cũng đang thực hiện Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2001 - 2010 về thể chế, tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, tài chính nhằm nâng cao tính dân chủ, hiệu quả, chuyên nghiệp và hiện đại, qua đó bảo đảm tốt hơn quyền của người dân. Song song với cải cách hành chính là việc triển khai chương trình cải cách tư pháp sâu rộng nhằm xây dựng hệ thống tư pháp xứng đáng là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật, đấu tranh có hiệu quả với các hành vi vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp như Hội Chữ thập đỏ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Phụ nữ, Hội Thanh niên,... tiếp tục tham gia tích cực vào công tác quản lý nhà nước và xã hội, có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các đối tượng cụ thể.

Sau hơn 30 năm sau chiến tranh và nhất là từ khi tiến hành công cuộc đổi mới, nhờ có chính sách đúng đắn và công cụ thực hiện ngày càng hiệu quả, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã đạt được những thành tựu cơ bản và có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp bảo đảm và phát triển quyền con người.

Thành tựu to lớn và có ý nghĩa nền tảng cho việc thực hiện quyền con người ở nước ta là duy trì môi trường hòa bình, ổn định từ khi thống nhất đất nước vào năm 1975. Chính thực tiễn đấu tranh của dân tộc ta đã chỉ rõ việc bảo đảm quyền con người không thể tách rời độc lập dân tộc, hòa bình, dân chủ và phát triển. Bên cạnh đó, đi vào tái thiết và phát triển đất nước sau hàng chục năm bị chiến tranh tàn phá, Đảng và Nhà nước coi phát triển kinh tế là tiền đề quan trọng cho việc thực thi dân chủ và quyền con người. Trong những năm qua, chúng ta đã thực hiện thắng lợi nhiều chương trình phát triển kinh tế - xã hội, với tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt ở mức cao liên tục trên 7%/năm. Đặc biệt, sau hơn 20 năm đổi mới, thu nhập bình quân đầu người tăng gấp 5 lần (từ 200 USD/người vào năm 1990 lên 1.024 USD/người năm 2008), tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn quốc gia giảm 4 lần (từ 60% vào năm 1990 xuống còn 13,8% năm 2008). Việt Nam được Liên hợp quốc và cộng đồng quốc tế ghi nhận là một trong những nước có thành tích giảm nghèo ấn tượng nhất, đã đạt và vượt nhiều Mục tiêu Thiên niên kỷ, đồng thời có thể đạt được tất cả các mục tiêu này theo đúng thời hạn.

Chủ trương gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, Đảng và Nhà nước đã chú trọng giải quyết việc làm - một vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc hiện nay, đặc biệt với Chương trình Mục tiêu quốc gia về việc làm năm 2006 - 2010, Quỹ quốc gia về việc làm và các dự án hỗ trợ, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động. Chỉ tính từ năm 2001 - 2008, cả nước đã có 12,44 triệu việc làm mới, trong đó gần 9,3 triệu thông qua các chương trình phát triển kinh tế và hơn 2,6 triệu thông qua Quỹ quốc gia về việc làm. Đặc biệt, từ ngày 1-1-2009, lần đầu tiên Nhà nước áp dụng chính sách bảo hiểm thất nghiệp, góp phần hỗ trợ tối đa cho người lao động trong quá trình tìm việc. Đây là một nỗ lực rất lớn của Đảng và Nhà nước trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, thể hiện cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trong việc bảo đảm quyền của người lao động.

Bên cạnh đó, các Chương trình Mục tiêu quốc gia về văn hóa, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển văn hóa, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống dân tộc... đã góp phần đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu về đời sống văn hóa, tinh thần cho người dân.

Đời sống tâm linh, quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng là những nhu cầu chính đáng của người dân, được Đảng, Nhà nước tôn trọng và bảo đảm. Ở nước ta hiện có khoảng 20 triệu người theo các tôn giáo khác nhau, 80% người dân có

đời sống tín ngưỡng. Các sinh hoạt tôn giáo, đặc biệt các ngày lễ lớn hàng năm của nhiều tôn giáo được tổ chức trọng thể với hàng trăm nghìn tín đồ tham gia. Đại lễ Phật đản Liên hợp quốc năm 2008 được tổ chức trọng thể tại Hà Nội với sự tham dự của hơn 4.000 tăng ni, Phật tử trong đó có khoảng 2.000 chức sắc, tín đồ đến từ 74 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới. Năm 2010, Việt Nam sẽ được vinh dự đăng cai Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo thế giới. Tháng 2-2009, Nhóm Công tác hỗn hợp Việt Nam - Va-ti-căng họp phiên đầu tiên bàn về việc phát triển quan hệ giữa hai bên, trong đó đoàn Va-ti-căng đã ghi nhận những phát triển tích cực của đời sống giáo dân ở Việt Nam. Các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam chủ động tham gia nhiều hoạt động y tế, văn hóa, xã hội, nhân đạo... đóng góp cho quá trình xây dựng đất nước, đồng thời có quan hệ quốc tế rộng rãi; đại diện chức sắc các tôn giáo tham gia nhiều diễn đàn quốc tế, đối thoại tôn giáo, tín ngưỡng, giao lưu học hỏi, trao đổi giáo lý, giáo luật tại các diễn đàn lớn như ASEM, ASEAN...

Cùng với đời sống vật chất và tinh thần được nâng cao, người dân Việt Nam ngày càng tích cực, chủ động tham gia vào công tác quản lý nhà nước và xã hội một cách trực tiếp hoặc thông qua người đại diện do mình lựa chọn. Tỷ lệ cử tri đi bầu cao (hơn 99%) tại kỳ bầu cử Quốc hội khóa XII được tổ chức vào tháng 5-2007, cho thấy người dân ngày càng ý thức rõ hơn về quyền của mình và vai trò quan trọng của Quốc hội trong việc thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội của người dân.

Bên cạnh đó, phương tiện thông tin đại chúng phát triển nhanh chóng về loại hình, phong phú về nội dung đã trở thành diễn đàn quan trọng để nhân dân phản ánh tiếng nói của mình, tham gia phát hiện những mặt tiêu cực của xã hội và đóng góp tích cực vào công cuộc đổi mới, phát triển đất nước. Từ 258 tờ báo và tạp chí vào năm 1990, hiện nay cả nước đã có hơn 700 cơ quan báo in, với 850 ấn phẩm, 68 đài phát thanh, 01 hãng thông tấn, 80 báo điện tử và hàng nghìn trang tin điện tử trên mạng In-tơ-nét, 55 nhà xuất bản và 15.000 nhà báo được cấp thẻ. Người dân Việt Nam ngày càng tiếp cận tốt hơn với công nghệ thông tin hiện đại, nhất là In-tơ-nét, với khoảng 20 triệu người sử dụng, chiếm 23,5% dân số, cao hơn mức trung bình của châu Á (18%). Theo báo cáo của Tổ chức Viễn thông quốc tế công bố ngày 31-3-2009, Việt Nam nằm trong nhóm 10 nước tốc độ phát triển công nghệ thông tin nhanh nhất thế giới giai đoạn 2002 - 2007, xét trên phương diện mức độ phổ cập, sử dụng và kỹ năng. Ngoài hệ thống thông tin, báo chí, truyền thông trong nước, người dân Việt Nam còn được tiếp cận với hàng chục hãng thông tấn, báo chí và kênh truyền hình nước ngoài.

Việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở và Luật Khiếu nại, tố cáo cũng góp phần tăng cường dân chủ, công bằng và không ngừng nâng cao vị trí làm chủ của người dân. Đến nay, 100% xã, phường, thị trấn đã thành lập

ban thanh tra nhân dân và 37/64 tỉnh, thành chỉ đạo cơ sở thành lập ban giám sát đầu tư công cộng. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của người dân có sự đổi mới tích cực. Từ năm 2006 đến 2008, tỷ lệ giải quyết tố cáo, khiếu nại của các cơ quan hành chính đạt 83,2%; các cơ quan thi hành án dân sự địa phương đạt 92,5%.

Đồng thời, quyền lợi của nhân dân còn được bảo đảm và thúc đẩy bởi các hội, hiệp hội, tổ chức công đoàn mà họ là thành viên. Ở nước ta hiện có 380 hội có phạm vi hoạt động toàn quốc, liên tỉnh, thành phố, 18 tổ chức công đoàn ngành, 6.020 tổ chức ở cấp địa phương và hàng nghìn hiệp hội, câu lạc bộ hoạt động trên mọi lĩnh vực. Hoạt động của các hội được pháp luật bảo vệ tại nhiều đạo luật quan trọng, trong đó có Hiến pháp 1992 (Điều 69) và Nghị định số 88/2003/NĐ-CP, ngày 30-7-2003 của Chính phủ về quy định, tổ chức và hoạt động quản lý hội.

Đời sống của đồng bào dân tộc liên tục được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh (khoảng 3% - 5%/năm). Kết cấu hạ tầng ở các vùng dân tộc thiểu số có bước phát triển rõ rệt: 96% số xã đặc biệt khó khăn có đường ô-tô đến trung tâm xã; 100% số huyện và 95% số xã đã có điện; 100% số xã có trường tiểu học, trường mẫu giáo; 100% số huyện có trường trung học phổ thông, 100% số huyện có trung tâm y tế và bác sĩ, cán bộ y tế. Tiếng nói và chữ viết của các dân tộc thiểu số được chú ý bảo tồn và ngày càng được sử dụng phổ biến hơn. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng 8 bộ giáo trình bằng 8 thứ tiếng dân tộc thiểu số và đưa vào dạy trong các trường tiểu học và trường phổ thông dân tộc ở 25 tỉnh có tỷ lệ người dân tộc thiểu số cao. Đài Truyền hình Việt Nam phát một kênh riêng và Đài Tiếng nói Việt Nam sản xuất hàng nghìn chương trình bằng các thứ tiếng dân tộc, giúp đồng bào dân tộc tiếp cận thông tin tốt hơn. Đồng bào dân tộc thiểu số đóng góp ngày càng tích cực hơn vào đời sống chính trị của đất nước, với 18% đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ 2007 - 2012, gần 25% đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là người dân tộc thiểu số.

Đảng và Nhà nước cũng đặc biệt quan tâm tới các nhóm người dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, và người có HIV/AIDS. Với mỗi nhóm đối tượng, Nhà nước đều có các cơ chế, chính sách và ưu tiên cụ thể nhằm bảo vệ, hỗ trợ, tạo cơ hội cho từng nhóm phát triển, hòa nhập cộng đồng và đạt được nhiều thành tựu nổi bật. Đối với trẻ em, tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi ngày càng cao (95,04% đối với bậc tiểu học và 80,3% đối với bậc trung học năm học 2005 - 2006). Bên cạnh đó, khoảng 40% số xã, phường; 80,3% số quận, huyện có điểm vui chơi cho trẻ em; 100% số thư viện ở cấp tỉnh và 30% ở cấp huyện có phòng đọc dành cho trẻ em, nhờ đó đã cơ bản tạo môi trường giải trí lành mạnh, bổ ích cho trẻ em. Trong lĩnh vực bình đẳng giới, Việt Nam được ủy ban Công ước về Xóa bỏ phân biệt đối xử với phụ nữ và Ngân hàng Phát

triển châu Á đánh giá là quốc gia đạt được sự tiến bộ nhanh chóng nhất về thu hẹp khoảng cách giới trong 20 năm qua ở châu Á. Đối với nhóm người khuyết tật, Nhà nước chú trọng xây dựng mạng lưới chăm sóc sức khỏe, hồi phục chức năng từ trung ương đến cấp cơ sở. Trong 10 năm qua, hơn 300.000 người được chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dịch vụ chỉnh hình miễn phí. Nhà nước cũng đầu tư phát triển cơ sở giáo dục, dạy nghề cho người khuyết tật, với khoảng 35.000 người theo học tại 100 cơ sở hướng nghiệp dạy nghề và số lượng trẻ em khuyết tật đi học tại các bậc học tăng lên mỗi năm.

Bên cạnh việc chăm lo cho quyền và lợi ích của công dân, xuất phát từ chính sách khoan hồng, nhân đạo, vào những dịp lễ lớn, Nhà nước cũng xem xét đặc xá cho những phạm nhân đáp ứng đủ các điều kiện theo Luật Đặc xá nhằm giúp họ sớm tái hòa nhập và trở thành những người có ích cho xã hội. Chỉ tính riêng dịp Tết Nguyên đán 2009, hơn 15.450 người đang chấp hành án phạt tù đã được đặc xá tha tù trước thời hạn.

Song song với các nỗ lực bảo đảm quyền con người ở trong nước, Đảng và Nhà nước chủ trương mở rộng hợp tác quốc tế trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng và xây dựng, vì mục tiêu chung là bảo đảm và thúc đẩy quyền con người. Trên cơ sở đó, nước ta đã trở thành thành viên của hầu hết các công ước quốc tế chủ chốt về nhân quyền và 17 công ước quốc tế về lao động. Ngày 22-10-2007, chúng ta đã ký Công ước quốc tế về Quyền của người khuyết tật và đang nghiêm túc xem xét việc ký kết Công ước Chống tra tấn.

Chúng ta cũng tham gia ngày càng hiệu quả và tích cực tại các diễn đàn đa phương, trong đó có các cơ chế đa phương về nhân quyền như ủy ban 3 Đại hội đồng Liên hợp quốc, Hội đồng Nhân quyền. Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của một quốc gia thành viên Liên hợp quốc, ngày 8-5-2009, Việt Nam đã trình bày và bảo vệ thành công Báo cáo quốc gia Kiểm điểm định kỳ (UPR) về việc bảo đảm quyền con người ở Việt Nam tại Hội đồng Nhân quyền. Báo cáo của ta được các nước đánh giá cao, đặc biệt về sự chuẩn bị công phu, nội dung phong phú, cách đề cập và trình bày mang tính xây dựng, thuyết phục, qua đó cho thấy vị thế quốc tế của Việt Nam ngày càng được nâng cao, và sự thừa nhận của các nước đối với thực tế bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền con người ở nước ta. Việt Nam đã đón các báo cáo viên đặc biệt về giam giữ độc đoán và về tự do tôn giáo hoặc tín ngưỡng (năm 1998) và đang làm thủ tục mời 03 báo cáo viên đặc biệt về quyền giáo dục, về quyền được chăm sóc sức khỏe và về đối nghèo cùng cực vào thăm Việt Nam.

Hiện nay, chúng ta đang tích cực tham gia quá trình thảo luận nhằm thành lập cơ chế nhân quyền khu vực ASEAN, tham gia nhiều hội nghị nhân quyền quốc tế và khu vực khác. Trong quan hệ song phương, với chủ trương sẵn sàng đối thoại và hợp tác về quyền con người, nước ta đã thiết lập cơ chế đối thoại

với các nước/đối tác như Mỹ, EU, Ô-xtrây-li-a, Na Uy, Thụy Sĩ, đạt kết quả tích cực trong nhiều năm qua.

Có thể nói, vấn đề quyền con người luôn được Đảng và Nhà nước đề cao, nhận thức tích cực và áp dụng phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam. Nhờ đó, từ một dân tộc bị tước đoạt cả những quyền tự do cơ bản nhất, người dân Việt Nam đã được thụ hưởng ngày một đầy đủ và toàn diện hơn các quyền của mình. Mặc dù hiện nay, trên thế giới còn nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề quyền con người và thậm chí một số thế lực thù địch đã lợi dụng điều này để vu cáo, xuyên tạc tình hình nhân quyền tại Việt Nam, song những thành tựu mà Đảng và nhân dân ta đạt được trong những năm qua là bằng chứng không thể phủ nhận cho những nỗ lực của Việt Nam trong lĩnh vực này.

Một số bài học kinh nghiệm

Nhìn lại chặng đường đã qua, có thể đúc kết một số bài học kinh nghiệm thành công. **Trước hết**, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn đặt con người ở trung tâm của mọi chính sách phát triển đất nước: con người là mục tiêu và động lực của sự nghiệp phát triển đất nước, phát triển kinh tế vì con người, tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, gắn liền với phát triển văn hóa, giáo dục, nâng cao dân trí, cải thiện môi trường... **Thứ hai**, quyền con người luôn được xem xét trong mối quan hệ biện chứng với độc lập dân tộc, hòa bình, phát triển và chủ quyền quốc gia. Thực tiễn đấu tranh của dân tộc ta cho thấy độc lập dân tộc là điều kiện bảo đảm quyền con người. Giải phóng con người gắn liền với giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội. **Thứ ba**, kết hợp hài hòa giữa các giá trị phổ quát và hoàn cảnh lịch sử, đặc thù riêng của mỗi quốc gia, tăng cường hợp tác quốc tế, mở rộng đối thoại trong lĩnh vực quyền con người. Chúng ta nhìn nhận quyền con người là khát vọng, thành quả đấu tranh chung của nhân loại tiến bộ, chủ động và tích cực tham gia nhiều công ước quốc tế và các hoạt động hợp tác và đối thoại trong lĩnh vực nhân quyền. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam luôn được gắn với điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Với đặc thù là nước đa dân tộc, tôn giáo, có nền kinh tế đang phát triển, xuất phát điểm thấp, phải khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, Đảng và Nhà nước đã tập trung phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, nhằm tạo tiền đề quan trọng cho việc thụ hưởng các quyền và tự do cá nhân khác; ưu tiên phát triển các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo điều kiện để người dân có đời sống tín ngưỡng phong phú, đồng thời giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa các tôn giáo. **Thứ tư**, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, kết hợp với bảo đảm an sinh, xã hội. **Thứ năm**, luôn chú trọng nâng cao nhận thức của người dân trong việc thụ hưởng các quyền, thể hiện ở nỗ lực kiện toàn các diễn đàn, cơ chế để người dân nói lên quan điểm của mình cũng như việc triển khai các chương trình trợ giúp

pháp lý miễn phí nhằm nâng cao kiến thức của người dân về quy định luật pháp, quyền lợi và nghĩa vụ của họ.

Bên cạnh đó, với tinh thần phấn đấu cao nhất cho việc bảo đảm các quyền con người, chúng ta cũng cần chỉ ra những khó khăn, thách thức và bất cập trong việc bảo đảm quyền con người. Đó là hệ thống pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn, chưa theo kịp thực tiễn; việc nghiên cứu các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên chưa được quan tâm đầy đủ; hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục, cũng như trình độ và nhận thức của một bộ phận cán bộ nhà nước về quyền con người còn hạn chế,... Nhận thức rõ khó khăn, thách thức chính là tiền đề để chúng ta tiếp tục tìm biện pháp giải quyết, nhằm thực hiện ngày càng thắng lợi sự nghiệp bảo vệ quyền con người ở Việt Nam.